

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



*Mang tri thức phục vụ khách hàng*

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

| <b>Nội dung</b>   | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị  | 02 – 05      |
| 2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ  | 06 – 07      |
| 3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016   | 08 – 09      |
| 4. Kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016      | 10           |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016        | 11           |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm<br>cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 | 12 – 40      |

---



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty.

### **1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (tên giao dịch là: Ben Thanh Services Joint Stock Company) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3127/QĐ-UB ngày 16 tháng 07 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305246978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007 và đã đăng ký thay đổi lần 14 ngày 07 tháng 12 năm 2015.

Công ty đang niêm yết trên trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05 tháng 01 năm 2011 theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Thông báo số 1137/TB-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : BSC

Vốn điều lệ : 31.507.470.000 đồng.

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **2.1 Trụ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3914 0933

Fax : +84 (8) – 3914 0934

Mã số thuế : 0 3 0 5 2 4 6 9 7 8

#### **2.2 Các đơn vị trực thuộc**

- Trung tâm Dịch vụ Kho Vận.

Địa chỉ: 504 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh;

- Trung tâm Dịch vụ Bến Thành.

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;

- Trung tâm kinh doanh Nhà hàng và Khách sạn Đakao.

Địa chỉ: 26 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

- Nhà hàng Bến Thành.

Địa chỉ: 21-23-25-27 Tôn Thất Hiệp, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

### **3. Ngành nghề hoạt động**

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).

#### **4. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành**

##### **4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

| <i>Họ và tên</i>          | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i> |
|---------------------------|----------------|---------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Hương Giang | Chủ tịch       | Bổ nhiệm từ ngày 26/11/2014     |
| Ông Nguyễn Thi Giang      | Thành viên     | Bổ nhiệm từ ngày 30/03/2012     |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc         | Thành viên     | Bổ nhiệm từ ngày 17/03/2016     |
| Ông Bùi Minh Tuấn         | Thành viên     | Bổ nhiệm từ ngày 18/03/2016     |
| Ông Vũ Đình Thi           | Thành viên     | Bổ nhiệm từ ngày 05/01/2016     |
| Ông Lê Hải Đăng           | Thành viên     | Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016   |
| Ông Lê Anh Văn            | Thành viên     | Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016   |
| Ông Thái Tấn Dũng         | Thành viên     | Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016   |

##### **4.2 Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

| <i>Họ và tên</i>       | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i> |
|------------------------|----------------|---------------------------------|
| Ông Hồ Nguyễn Duy Quân | Trưởng ban     | Bổ nhiệm từ ngày 25/03/2016     |
| Bà Đoàn Thị Minh Trang | Trưởng ban     | Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016   |
| Ông Đào Phúc Long Phi  | Thành viên     | Bổ nhiệm từ ngày 25/03/2016     |
| Ông Phạm Tuấn Cường    | Thành viên     | Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2015     |
| Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy  | Thành viên     | Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016   |

##### **4.3 Ban Điều hành**

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

| <i>Họ và tên</i>          | <i>Chức vụ</i>    | <i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i> |
|---------------------------|-------------------|---------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Hương Giang | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm từ ngày 02/12/2015     |
| Ông Trương Quang Thống    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 18/10/2007     |
| Ông Nguyễn Thi Giang      | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016   |
| Ông Vũ Đình Thi           | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 02/06/2015     |
| Bà Võ Thúy Hạnh           | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm từ ngày 18/10/2007     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

**6. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 40.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**9. Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

75-C  
TY  
HỮU H  
TƯ V  
VIỆ  
S C

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

TM. Hội đồng Quản trị



**NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG**

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



Số: 2391/16/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 07 năm 2016, từ trang 08 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



**Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKH số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Đặng Minh Tuyền – Kiểm toán viên**

Giấy CNDKH số: 2701-2013-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

M.S.D.N



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN  | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-------|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1     | 2  | 3           | 4                     | 5                     |
| 100   | <b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     |             | <b>28.510.256.893</b> | <b>33.138.201.744</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | 5.1         | <b>21.198.257.890</b> | <b>28.785.730.027</b> |
| 111   | 1. Tiền  |             | 4.198.257.890         | 3.284.730.027         |
| 112   | 2. Các khoản tương đương tiền                  |             | 17.000.000.000        | 25.501.000.000        |
| 120   | <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> |             | -                     | -                     |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        |             | <b>5.971.878.082</b>  | <b>4.009.496.182</b>  |
| 131   | 1. Phải thu của khách hàng                     | 5.2         | 2.807.450.368         | 2.748.690.661         |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán                     | 5.3         | 46.000.000            | 44.733.219            |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                      | 5.4a        | 3.118.427.714         | 1.216.072.302         |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi          |             | -                     | -                     |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | 5.5         | <b>272.006.503</b>    | <b>287.159.173</b>    |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                                |             | 272.006.503           | 287.159.173           |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                |             | <b>1.068.114.418</b>  | <b>55.816.362</b>     |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 5.6         | 1.068.114.418         | 55.816.362            |
| 152   | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ         |             | -                     | -                     |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước    |             | -                     | -                     |
| 200   | <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      |             | <b>20.304.534.261</b> | <b>20.769.788.975</b> |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           |             | <b>310.000.000</b>    | <b>190.000.000</b>    |
| 211   | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng             |             | -                     | -                     |
| 216   | 2. Phải thu dài hạn khác                       | 5.4b        | 1.366.593.429         | 1.246.593.429         |
| 219   | 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi           |             | (1.056.593.429)       | (1.056.593.429)       |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                     |             | <b>1.758.023.397</b>  | <b>1.863.815.346</b>  |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 5.7         | 1.758.023.397         | 1.863.815.346         |
| 222   | - Nguyên giá                                   |             | 6.417.199.543         | 6.373.926.816         |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (4.659.176.146)       | (4.510.111.470)       |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                     | 5.8         | -                     | -                     |
| 228   | - Nguyên giá                                   |             | 97.200.000            | 97.200.000            |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (97.200.000)          | (97.200.000)          |
| 230   | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | 5.9         | <b>1.981.074.956</b>  | <b>2.031.926.840</b>  |
| 231   | - Nguyên giá                                   |             | 3.799.189.568         | 3.799.189.568         |
| 232   | - Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (1.818.114.612)       | (1.767.262.728)       |
| 240   | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>             |             | <b>14.531.441.633</b> | <b>14.531.441.633</b> |
| 241   | 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn                |             | -                     | -                     |
| 242   | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 5.10        | 14.531.441.633        | 14.531.441.633        |
| 250   | <b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>   | 5.11        | <b>1.295.171.516</b>  | <b>1.356.276.772</b>  |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh     |             | 575.138.055           | 575.138.055           |
| 253   | 2. Đầu tư dài hạn khác                         |             | 928.651.449           | 928.651.449           |
| 254   | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn           |             | (208.617.988)         | (147.512.732)         |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                |             | <b>428.822.759</b>    | <b>796.328.384</b>    |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                   |             | -                     | 70.000.000            |
| 262   | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại              | 5.12        | 428.822.759           | 726.328.384           |
| 268   | 3. Tài sản dài hạn khác                        |             | -                     | -                     |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       |             | <b>48.814.791.154</b> | <b>53.907.990.719</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

| Mã số | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | Số cuối kỳ     | Số đầu năm     |
|-------|--|-------------|----------------|----------------|
| 1     | 2  | 3           | 4              | 5              |
| 300   | <b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>                          |             | 13.806.954.902 | 14.075.253.168 |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          |             | 5.947.589.360  | 5.397.505.961  |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 5.13        | 571.339.302    | 397.007.752    |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           |             | 346.500        | 16.500         |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 5.14        | 286.235.705    | 578.981.212    |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                     | 5.15        | 699.036.000    | 2.118.122.572  |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 5.16a       | 2.180.653.676  | 1.138.142.677  |
| 319   | 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 5.17a       | 1.653.772.650  | 706.525.443    |
| 321   | 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn                  | 5.18        | 345.600.000    | 345.600.000    |
| 322   | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 5.19        | 210.605.527    | 113.109.805    |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                          |             | 7.859.365.542  | 8.677.747.207  |
| 333   | 1. Chi phí phải trả dài hạn                    | 5.16b       | -              | 2.192.464.917  |
| 337   | 2. Phải trả dài hạn khác                       | 5.17b       | 7.859.365.542  | 6.485.282.290  |
| 400   | <b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 |             | 35.007.836.252 | 39.832.737.551 |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | 5.20        | 35.007.836.252 | 39.832.737.551 |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 5.20b       | 31.507.470.000 | 31.507.470.000 |
| 418   | 2. Quỹ đầu tư phát triển                       | 5.20e       | 2.397.782.838  | 2.203.439.962  |
| 421   | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           |             | 1.102.583.414  | 6.121.827.589  |
| 421a  | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |             | 397.502.441    | 4.178.398.841  |
| 421b  | - LNST chưa phân phối kỳ này                   |             | 705.080.973    | 1.943.428.748  |
| 430   | <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          |             | -              | -              |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     |             | 48.814.791.154 | 53.907.990.719 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN THỊ THANH VÂN



VÕ THÚY HẠNH



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VND

| Mã số | Chi tiêu   | Thuyết minh | Kỳ này                  | Kỳ trước               |
|-------|--|-------------|-------------------------|------------------------|
| 1     | 2  | 3           | 4                       | 5                      |
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |             |                         |                        |
| 01    | <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   |             | <b>1.002.586.598</b>    | <b>1.794.405.782</b>   |
|       | <b>2. Điều chỉnh các khoản</b>   |             | <b>(217.033.622)</b>    | <b>701.296.543</b>     |
| 02    | - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư   |             | 199.916.560             | 196.226.547            |
| 03    | - Các khoản dự phòng   |             | 61.105.256              | 153.628.125            |
| 04    | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện  |             | -                       | -                      |
| 05    | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (478.055.438)           | 351.441.871            |
| 06    | - Chi phí lãi vay  |             | -                       | -                      |
| 07    | - Các khoản điều chỉnh khác  |             | -                       | -                      |
| 08    | <b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                                 |             | <b>785.552.976</b>      | <b>2.495.702.325</b>   |
| 09    | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | (1.784.876.275)         | (119.473.653)          |
| 10    | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | 15.152.670              | 11.033.777             |
| 11    | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)        |             | (10.543.501.095)        | (1.113.008.547)        |
| 12    | - Tăng, giảm chi phí trả trước   |             | (942.298.056)           | 243.539.732            |
| 13    | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh   |             | -                       | -                      |
| 14    | - Tiền lãi vay đã trả  |             | -                       | -                      |
| 15    | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (182.459.516)           | (2.102.828.062)        |
| 16    | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  |             | -                       | -                      |
| 17    | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  |             | (233.754.000)           | (573.117.975)          |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       |             | <b>(12.886.183.296)</b> | <b>(1.158.152.403)</b> |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |             |                         |                        |
| 21    | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                          |             | (43.272.727)            | (382.962.727)          |
| 22    | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                       |             | -                       | 131.818.182            |
| 23    | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    |             | -                       | -                      |
| 24    | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            |             | -                       | -                      |
| 25    | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | -                       | -                      |
| 26    | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |             | -                       | 3.445.138.875          |
| 27    | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     |             | 478.055.438             | (483.260.053)          |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   |             | <b>434.782.711</b>      | <b>2.710.734.277</b>   |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |             |                         |                        |
| 31    | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             |             | -                       | -                      |
| 32    | 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành |             | -                       | -                      |
| 33    | 3. Tiền thu từ đi vay  |             | -                       | -                      |
| 34    | 4. Tiền trả nợ gốc vay   |             | -                       | -                      |
| 35    | 5. Tiền trả nợ thuê tài chính  |             | -                       | -                      |
| 36    | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   |             | 4.863.928.448           | (1.256.513.200)        |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  |             | <b>4.863.928.448</b>    | <b>(1.256.513.200)</b> |
| 50    | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>   |             | <b>(7.587.472.137)</b>  | <b>296.068.674</b>     |
| 60    | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  |             | <b>28.785.730.027</b>   | <b>23.203.000.245</b>  |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    |             | -                       | -                      |
| 70    | <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | 5.1         | <b>21.198.257.890</b>   | <b>23.499.068.919</b>  |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Tổng Giám Đốc







NGUYỄN THỊ THANH VÂN

VÕ THÚY HẠNH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

#### 1.5 Cấu trúc Công ty

Các công ty liên doanh, liên kết

| Tên công ty                         | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu |
|-------------------------------------|---------------|------------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành | 38,34%        | 38,34%                 | 38,34%            |

#### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

#### 1.7 Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 65 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 70 nhân viên).

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

## **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền/nhập trước, xuất trước/giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### **4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 – 20       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 – 07       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 – 05       |
| Phần mềm kế toán                | 05            |

**4.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc      | 25 – 50       |

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Số: 390/CT-AC/16

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

312  
ÔN  
NH  
TOÁ  
IU  
TF

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

**4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

**4.16 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

**4.17 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

**4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

87.  
IG  
EM  
NV  
?  
IN  
H

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4.19 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5  
CY  
TU  
VIỆ  
5C

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| Mã số            | Chi tiêu                   | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 5.1.1            | Tiền mặt                   | 834.152.368           | 142.664.866           |
| 5.1.2            | Tiền gửi ngân hàng         | 3.364.105.522         | 3.142.065.161         |
| 5.1.3            | Các khoản tương đương tiền | 17.000.000.000        | 25.501.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b> |                            | <b>21.198.257.890</b> | <b>28.785.730.027</b> |

**5.1.2 Tiền gửi ngân hàng**

Chi tiết số dư ngân hàng gồm:

| STT         | Ngân hàng  | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|-------------|--|----------------------|----------------------|
| 1           | Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN TP HCM           | 2.823.115.951        | 1.648.553.283        |
| 2           | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP HCM | 540.041.939          | 1.493.511.878        |
| 3           | Ngân hàng TMCP Quốc Dân                          | 947.632              | -                    |
| <b>Cộng</b> |  | <b>3.364.105.522</b> | <b>3.142.065.161</b> |

**5.1.3 Các khoản tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

| STT         | Ngân hàng                              | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-------------|--|-----------------------|-----------------------|
| 1           | Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN TP HCM | 14.000.000.000        | 22.500.000.000        |
| 2           | Ngân hàng TMCP Quốc Dân                | 3.000.000.000         | 3.001.000.000         |
| <b>Cộng</b> |  | <b>17.000.000.000</b> | <b>25.501.000.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|  | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải thu của khách hàng khác</i>                        |                      |                      |
| - Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Vạn Thịnh Phát <sup>(*)</sup> | 1.720.000.000        | 1.720.000.000        |
| - Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam                      | 211.619.100          | 287.755.600          |
| - CN Công ty TNHH Vận tải và DVDL Hoa Mai                  | 176.000.000          | 154.000.000          |
| - Các đối tượng khác                                       | 699.831.268          | 586.935.061          |
| <b>Cộng</b>  | <b>2.807.450.368</b> | <b>2.748.690.661</b> |

<sup>(\*)</sup> Là khoản phải thu của Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Vạn Thịnh Phát theo Hợp đồng mua bán chuyển nhượng công trình xây dựng số 013960/HĐGD ngày 30/12/2014 tại mặt bằng số 111 Nguyễn Huệ, quận 1. Sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật và bên mua nhận được Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bên mua đối với công trình và khu đất. Trong tháng 7/2016 đã hoàn thành thủ tục pháp lý.

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | Số cuối kỳ        | Số đầu năm        |
|--|-------------------|-------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i>          |                   |                   |
| - Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt | 44.000.000        | 41.250.000        |
| - Các đối tượng khác                         | 2.000.000         | 3.483.219         |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>46.000.000</b> | <b>44.733.219</b> |

**5.4 Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5.4a Phải thu ngắn hạn khác**

|   | Số cuối kỳ           |          | Số đầu năm           |          |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
|   | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> |                      |          |                      |          |
| - Đặng Nguyễn Nhật Minh <sup>(*)</sup>      | 2.369.368.000        | -        | 340.200.000          | -        |
| - Nguyễn Phạm Thanh Trúc                    | 394.774.688          | -        | -                    | -        |
| - Trần Anh Phú                              | 196.582.900          | -        | 559.767.900          | -        |
| - Công ty CP Nhà Hàng Gói và Cuốn           | 136.990.700          | -        | -                    | -        |
| - Các đối tượng khác                        | 20.711.426           | -        | 316.104.402          | -        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>3.118.427.714</b> | <b>-</b> | <b>1.216.072.302</b> | <b>-</b> |

<sup>(\*)</sup> Là khoản chi tạm ứng để thực hiện các thủ tục pháp lý cho các dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp, quận 1 và dự án 136-137 Bến Chương Dương, quận 1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.4b Phải thu dài hạn khác**

|  | Số cuối kỳ                           |                        | Số đầu năm                           |                        |
|--|--------------------------------------|------------------------|--------------------------------------|------------------------|
|  | Giá trị                              | Dự phòng               | Giá trị                              | Dự phòng               |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                    | <b>190.000.000</b>                   |                        | <b>190.000.000</b>                   |                        |
| - Tổng Công ty Bến Thành-TNHH MTV (Ký cược, ký quỹ)  | 190.000.000                          | -                      | 190.000.000                          | -                      |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>          | <b>1.176.593.429 (1.056.593.429)</b> |                        | <b>1.056.593.429 (1.056.593.429)</b> |                        |
| - Dự án TT TM và Căn hộ cao cấp 504 Nguyễn Tất Thành | 732.566.805                          | (732.566.805)          | 732.566.805                          | (732.566.805)          |
| - Dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp                      | 257.607.750                          | (257.607.750)          | 257.607.750                          | (257.607.750)          |
| - Lê Văn Sang  | 120.000.000                          | -                      | -                                    | -                      |
| - Nguyễn Hoàng Diệu                                  | 66.418.874                           | (66.418.874)           | 66.418.874                           | (66.418.874)           |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.366.593.429</b>                 | <b>(1.056.593.429)</b> | <b>1.246.593.429</b>                 | <b>(1.056.593.429)</b> |

**5.5 Hàng tồn kho**

|                             | Số cuối kỳ         |          | Số đầu năm         |          |
|-----------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
|                             | Giá gốc            | Dự phòng | Giá gốc            | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | -                  | -        | -                  | -        |
| Nguyên liệu, vật liệu       | -                  | -        | -                  | -        |
| Công cụ, dụng cụ            | -                  | -        | -                  | -        |
| Chi phí SXKD dở dang        | -                  | -        | -                  | -        |
| Thành phẩm                  | -                  | -        | -                  | -        |
| Hàng hóa                    | 272.006.503        | -        | 287.159.173        | -        |
| Hàng gửi đi bán             | -                  | -        | -                  | -        |
| Hàng hóa kho bảo thuế       | -                  | -        | -                  | -        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>272.006.503</b> |          | <b>287.159.173</b> |          |

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Tình hình biến động:

|                    | Kỳ này               | Kỳ trước          |
|--------------------|----------------------|-------------------|
| - Số đầu năm       | 55.816.362           | 259.078.947       |
| - Tăng trong kỳ    | 1.300.759.104        | 114.304.546       |
| - Phân bổ trong kỳ | (288.461.048)        | (359.733.493)     |
| <b>Số cuối kỳ</b>  | <b>1.068.114.418</b> | <b>13.650.000</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Chi tiết cuối kỳ:**

| Chi tiết                              | Số cuối kỳ           | Số đầu năm        |
|---------------------------------------|----------------------|-------------------|
| - Chi phí sửa chữa văn phòng          | 519.350.255          | -                 |
| - Chi phí sửa chữa kho vận            | 271.918.636          | -                 |
| - Chi phí sửa chữa 50 camette         | 248.625.833          | -                 |
| - Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 28.219.694           | 55.816.362        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>1.068.114.418</b> | <b>55.816.362</b> |

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

| Chỉ tiêu                    | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị quản lý | Tổng cộng     |
|-----------------------------|------------------------|-------------------|---------------------|------------------|---------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>        |                        |                   |                     |                  |               |
| 1. Số dư đầu năm            | 1.325.446.000          | 55.160.000        | 4.381.742.343       | 611.578.473      | 6.373.926.816 |
| 2. Tăng trong kỳ            | -                      | -                 | -                   | 43.272.727       | 43.272.727    |
| 3. Giảm trong kỳ            | -                      | -                 | -                   | -                | -             |
| - Giảm do thanh lý          | -                      | -                 | -                   | -                | -             |
| 4. Số dư cuối kỳ            | 1.325.446.000          | 55.160.000        | 4.381.742.343       | 654.851.200      | 6.417.199.543 |
| <b>II. Giá trị hao mòn</b>  |                        |                   |                     |                  |               |
| 1. Số dư đầu năm            | 1.266.340.687          | 55.160.000        | 2.670.087.181       | 518.523.602      | 4.510.111.470 |
| 2. Tăng trong kỳ            | 7.388.172              | -                 | 120.084.354         | 21.592.150       | 149.064.676   |
| - Khấu hao trong kỳ         | 7.388.172              | -                 | 120.084.354         | 21.592.150       | 149.064.676   |
| 3. Giảm trong kỳ            | -                      | -                 | -                   | -                | -             |
| - Giảm do thanh lý          | -                      | -                 | -                   | -                | -             |
| 4. Số dư cuối kỳ            | 1.273.728.859          | 55.160.000        | 2.790.171.535       | 540.115.752      | 4.659.176.146 |
| <b>III. Giá trị còn lại</b> |                        |                   |                     |                  |               |
| 1. Tại ngày đầu năm         | 59.105.313             | -                 | 1.711.655.162       | 93.054.871       | 1.863.815.346 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ         | 51.717.141             | -                 | 1.591.570.808       | 114.735.448      | 1.758.023.397 |

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.358.936.486 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

| Chỉ tiêu                    | Phần mềm kế toán | Tổng cộng  |
|-----------------------------|------------------|------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>        |                  |            |
| 1. Số dư đầu năm            | 97.200.000       | 97.200.000 |
| 2. Tăng trong kỳ            | -                | -          |
| 3. Giảm trong kỳ            | -                | -          |
| 4. Số dư cuối kỳ            | 97.200.000       | 97.200.000 |
| <b>II. Giá trị hao mòn</b>  |                  |            |
| 1. Số dư đầu năm            | 97.200.000       | 97.200.000 |
| 2. Tăng trong kỳ            | -                | -          |
| 3. Giảm trong kỳ            | -                | -          |
| 4. Số dư cuối kỳ            | 97.200.000       | 97.200.000 |
| <b>III. Giá trị còn lại</b> |                  |            |
| 1. Tại ngày đầu năm         | -                | -          |
| 2. Tại ngày cuối kỳ         | -                | -          |

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 97.200.000 đồng.

**5.9 Bất động sản đầu tư**

Chi tiết tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư như sau:

| Chỉ tiêu                    | Nhà cửa, vật kiến trúc | Tổng cộng     |
|-----------------------------|------------------------|---------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>        |                        |               |
| 1. Số dư đầu năm            | 3.799.189.568          | 3.799.189.568 |
| 2. Tăng trong kỳ            | -                      | -             |
| 3. Giảm trong kỳ            | -                      | -             |
| 4. Số dư cuối kỳ            | 3.799.189.568          | 3.799.189.568 |
| <b>II. Giá trị hao mòn</b>  |                        |               |
| 1. Số dư đầu năm            | 1.767.262.728          | 1.767.262.728 |
| 2. Tăng trong kỳ            | 50.851.884             | 50.851.884    |
| 3. Giảm trong kỳ            | -                      | -             |
| 4. Số dư cuối kỳ            | 1.818.114.612          | 1.818.114.612 |
| <b>III. Giá trị còn lại</b> |                        |               |
| 1. Tại ngày đầu năm         | 2.031.926.840          | 2.031.926.840 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ         | 1.981.074.956          | 1.981.074.956 |

Trong đó: nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 759.789.626 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | Số đầu năm            | Chi phí            | Kết chuyển        | Kết              | Số cuối kỳ            |
|--|-----------------------|--------------------|-------------------|------------------|-----------------------|
|  |                       | phát sinh trong kỳ | vào TSCĐ trong kỳ | chuyển giảm khác |                       |
| Xây dựng cơ bản dở dang  | 14.531.441.633        | -                  | -                 | -                | 14.531.441.633        |
| Công trình cao ốc 136-137 Bến Chương Dương, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh <sup>(*)</sup> | 14.531.441.633        | -                  | -                 | -                | 14.531.441.633        |
| <b>Cộng</b>  | <b>14.531.441.633</b> | <b>-</b>           | <b>-</b>          | <b>-</b>         | <b>14.531.441.633</b> |

<sup>(\*)</sup> Công trình này đã phát sinh từ lâu tính đến thời điểm này Công ty đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho Bà Đặng Thị Kim Oanh, chi tiết như sau:

- Thỏa thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất 137 Bến Chương Dương, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp.HCM với giá chuyển nhượng là 9.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với giá chuyển nhượng là 14.500.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm này, Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý.

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|  | Số cuối kỳ           |                      |                      | Số đầu năm           |                      |                      |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|  | Giá gốc              | Dự phòng             | Giá trị hợp lý       | Giá gốc              | Dự phòng             | Giá trị hợp lý       |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết                                    | 575.138.055          | -                    | 575.138.055          | 2.675.138.055        | -                    | 2.675.138.055        |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành <sup>(1)</sup>                         | 575.138.055          | -                    | 575.138.055          | 575.138.055          | -                    | 575.138.055          |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 928.651.449          | (208.617.988)        | 720.033.461          | 2.527.651.449        | (147.512.732)        | 781.138.717          |
| Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải <sup>(2)</sup> | 928.651.449          | (208.617.988)        | 720.033.461          | 928.651.449          | (147.512.732)        | 781.138.717          |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.503.789.504</b> | <b>(208.617.988)</b> | <b>1.295.171.516</b> | <b>5.202.789.504</b> | <b>(147.512.732)</b> | <b>1.356.276.772</b> |

<sup>(1)</sup> Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 50,00% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp 38,34% (tương đương 575.138.055 đồng). Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng.

<sup>(2)</sup> Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải, tỷ lệ góp vốn là 6% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp là 6,3% (tương đương 1.500.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103013084 ngày 20/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp, thay đổi lần thứ 8 ngày 19/07/2013. Giá trị vốn góp tại thời điểm 30/06/2016 là 928.651.449 đồng.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải hiện chưa hoàn thành thủ tục giải thể.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|                            | <u>Kỳ này</u>        | <u>Kỳ trước</u>      |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | (147.512.732)        | (120.000.000)        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (61.105.256)         | (127.745.732)        |
| Tăng khác                  | -                    | -                    |
| Hoàn nhập dự phòng         | -                    | -                    |
| Giảm khác                  | -                    | -                    |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>(208.617.988)</b> | <b>(247.745.732)</b> |

**Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết**

Doanh nghiệp chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành là công ty liên kết như sau:

|                                     | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|-------------------------------------|---------------|-----------------|
| Doanh thu bảo trì thiết bị máy tính | 7.562.726     | 17.350.879      |
| Thu tiền bảo trì thiết bị máy tính  | 9.504.000     | 12.414.966      |
| Doanh thu gửi kho                   | 3.424.000     | -               |
| Thu tiền gửi kho                    | 3.766.400     | -               |
| Cho vay trong năm                   | -             | -               |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn        | -             | 300.000.000     |
| Tiền lãi vay trong năm              | -             | 15.619.355      |
| Thu tiền lãi vay trong năm          | 667.742       | 15.619.355      |

**5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

|  | <u>Số đầu năm</u>  | <u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u>  |
|--|--------------------|---|--------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 726.328.384        | (297.505.625)                                   | 428.822.759        |
| Chi phí thuê đất và chi phí khác trích trước   | 726.328.384        | (297.505.625)                                   | 428.822.759        |
| <b>Cộng</b>  | <b>726.328.384</b> | <b>(297.505.625)</b>                            | <b>428.822.759</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                       | Số cuối kỳ         | Số đầu năm         |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>571.339.302</i> | <i>397.007.752</i> |
| - Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn | 547.783.402        | 366.283.402        |
| - Các đối tượng khác                  | 23.555.900         | 30.724.350         |
| <b>Cộng</b>                           | <b>571.339.302</b> | <b>397.007.752</b> |

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | Số đầu năm         | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ         |
|----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------------|--------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 374.977.797        | 632.641.864          | (737.622.804)           | 269.996.857        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 182.459.516        | -                    | (182.459.516)           | -                  |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 21.543.899         | 93.874.498           | (99.179.549)            | 16.238.848         |
| Các loại thuế khác         | -                  | 6.000.000            | (6.000.000)             | -                  |
| <b>Cộng</b>                | <b>578.981.212</b> | <b>732.516.362</b>   | <b>(1.025.261.869)</b>  | <b>286.235.705</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|  | Kỳ này          | Kỳ trước           |
|--|-----------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 1.002.586.598   | 1.794.405.782      |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (1.133.378.859) | 463.873.643        |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 2.168.113.797   | 1.986.074.899      |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | (3.301.492.656) | (1.522.201.256)    |
| Thu nhập chịu thuế   | (130.792.261)   | 2.258.279.425      |
| Thu nhập được miễn thuế  | -               | -                  |
| Lỗi các năm trước được chuyển  | -               | -                  |
| Thu nhập tính thuế   | (130.792.261)   | 2.258.279.425      |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%             | 22%                |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                      | <b>-</b>        | <b>496.821.474</b> |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>-</b>        | <b>496.821.474</b> |
| <b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>  | <b>-</b>        | <b>496.821.474</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**5.15 Phải trả người lao động**

|                      | Số cuối kỳ         | Số đầu năm           |
|----------------------|--------------------|----------------------|
| Tiền lương phải trả  | 699.036.000        | 2.118.122.572        |
| Tiền thưởng phải trả | -                  | -                    |
| <b>Cộng</b>          | <b>699.036.000</b> | <b>2.118.122.572</b> |

Quỹ lương năm 2016 được trích theo Nghị Quyết số 09/NQ-HDQT ngày 05 tháng 01 năm 2016.

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn****5.16a Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                                       | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Trích trước tiền thuê đất và thuế đất | 2.144.113.797        | 1.111.243.391        |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác    | 36.539.879           | 26.899.286           |
| <b>Cộng</b>                           | <b>2.180.653.676</b> | <b>1.138.142.677</b> |

**5.16b Chi phí phải trả dài hạn**

|                                       | Số cuối kỳ | Số đầu năm           |
|---------------------------------------|------------|----------------------|
| Trích trước tiền thuê đất và thuế đất | -          | 2.192.464.917        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>-</b>   | <b>2.192.464.917</b> |

**5.17 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****5.17a Phải trả ngắn hạn khác**

|   | Số cuối kỳ           | Số đầu năm         |
|---|----------------------|--------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>           | <b>630.770.069</b>   | <b>170.903.355</b> |
| Tổng Công Bến Thành TNHH MTV                | 630.770.069          | 170.903.355        |
| <b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>  | <b>1.023.002.581</b> | <b>535.622.088</b> |
| - Công ty CP Đầu tư Tập đoàn Vạn Thịnh Phát | 691.200.000          | 460.800.000        |
| - Các đối tượng khác                        | 331.802.581          | 74.822.088         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>1.653.772.650</b> | <b>706.525.443</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.17b Phải trả dài hạn khác**

Chủ yếu là khoản tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng.

|  | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|--|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b> | <b>175.130.819</b>   | <b>1.187.353.852</b> |
| - Đặng Thị Kim Oanh <sup>(*)</sup>         | 3.000.000.000        | 3.000.000.000        |
| - Công ty TNHH Việt An Phát                | 1.124.000.000        | 1.124.000.000        |
| - Công ty CP TM Nguyễn Kim                 | 1.000.000.000        | -                    |
| - Phạm Thị Diễm Phương                     | 500.000.000          | -                    |
| - Công ty TNHH Nhà Hàng Cuốn               | 316.000.000          | 316.000.000          |
| - Công ty TNHH Dây Cáp Điện Đệ Nhất        | 300.000.000          | 300.000.000          |
| - Công ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất            | 300.000.000          | 300.000.000          |
| - Các đối tượng khác                       | 1.319.365.542        | 1.445.282.290        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>7.859.365.542</b> | <b>6.485.282.290</b> |

<sup>(\*)</sup> Là khoản nhận tiền đặt cọc của bà Đặng Thị Kim Oanh, chi tiết như sau:

- Thỏa thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất 137 Bến Chương Dương, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp.HCM với giá chuyển nhượng là 9.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với giá chuyển nhượng là 14.500.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm này, Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý.

**5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                 | Số đầu năm         | Tăng do trích      |                    | Chi quỹ trong kỳ     | Số cuối kỳ         |
|-----------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
|                 |                    | lập từ lợi nhuận   | Tăng khác          |                      |                    |
| Quỹ khen thưởng | 72.368.724         | 165.624.861        | 5.000.000          | (120.550.000)        | 122.443.585        |
| Quỹ phúc lợi    | 40.741.081         | 165.624.861        | 120.000.000        | (238.204.000)        | 88.161.942         |
| <b>Cộng</b>     | <b>113.109.805</b> | <b>331.249.722</b> | <b>125.000.000</b> | <b>(358.754.000)</b> | <b>210.605.527</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.19 Vốn chủ sở hữu****5.20a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| Chỉ tiêu                                       | Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*) | Quý đầu tư phát triển | Quý dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối (**) | Tổng cộng             |
|--|-------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| A  | 1                             | 2                     | 3                      | 4                             | 5                     |
| <b>Số dư đầu năm trước</b>                     | <b>31.507.470.000</b>         | <b>705.702.705</b>    | <b>778.515.715</b>     | <b>7.192.215.425</b>          | <b>40.183.903.845</b> |
| - Tăng trong năm trước                         | -                             | 1.497.737.257         | -                      | 1.943.428.748                 | 3.441.166.005         |
| - Giảm trong năm trước                         | -                             | -                     | 778.515.715            | 3.013.816.584                 | 3.792.332.299         |
| <b>Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay</b> | <b>31.507.470.000</b>         | <b>2.203.439.962</b>  | <b>-</b>               | <b>6.121.827.589</b>          | <b>39.832.737.551</b> |
| - Tăng trong kỳ                                | -                             | 194.342.876           | -                      | 705.080.973                   | 899.423.849           |
| + Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này  | -                             | 194.342.876           | -                      | 705.080.973                   | 899.423.849           |
| + Tăng khác                                    | -                             | -                     | -                      | -                             | -                     |
| - Giảm trong kỳ                                | -                             | -                     | -                      | (5.724.325.148)               | (5.724.325.148)       |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                           | <b>31.507.470.000</b>         | <b>2.397.782.838</b>  | <b>-</b>               | <b>1.102.583.414</b>          | <b>35.007.836.252</b> |

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.20b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                    | Tỷ lệ (%)     | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--------------------|---------------|-----------------------|-----------------------|
| - Cổ đông Nhà Nước | 47,11         | 14.844.200.000        | 14.844.200.000        |
| - Cổ đông khác     | 52,89         | 16.663.270.000        | 16.663.270.000        |
| <b>Cộng</b>        | <b>100,00</b> | <b>31.507.470.000</b> | <b>31.507.470.000</b> |

**5.20c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                               | Kỳ này         | Kỳ trước       |
|-------------------------------|----------------|----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu   | 31.507.470.000 | 31.507.470.000 |
| + Vốn góp đầu năm             | 31.507.470.000 | 31.507.470.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm      | -              | -              |
| + Vốn góp giảm trong năm      | -              | -              |
| + Vốn góp cuối năm            | 31.507.470.000 | 31.507.470.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 5.198.732.550  | 1.575.373.500  |

**5.20d Cổ phiếu**

|   | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                       | 3.150.747  | 3.150.747  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng                    | 3.150.747  | 3.150.747  |
| - Cổ phiếu phổ thông                                      | 3.150.747  | 3.150.747  |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu) | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại                            | -          | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                                      | -          | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi   | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                           | 3.150.747  | 3.150.747  |
| - Cổ phiếu phổ thông                                      | 3.150.747  | 3.150.747  |
| - Cổ phiếu ưu đãi   | -          | -          |

**5.20e. Các quỹ của doanh nghiệp****Quỹ đầu tư phát triển:**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**5.20f Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25 tháng 03 năm 2016 như sau:

|                               |                      |
|-------------------------------|----------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | VND<br>5.198.732.550 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | 194.342.876          |
| • Trích quỹ khen thưởng       | 165.624.861          |
| • Trích quỹ phúc lợi          | 165.624.861          |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| Chi tiết gồm:                     | 6 tháng đầu năm 2016  | 6 tháng đầu năm 2015  |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Doanh thu bán hàng hóa          | 709.149.258           | 205.821.559           |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ      | 11.864.240.877        | 12.405.335.051        |
| - Doanh thu cho thuê bất động sản | 1.133.836.362         | 1.069.818.180         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>13.707.226.497</b> | <b>13.680.974.790</b> |

**6.2 Giá vốn hàng bán**

| Chi tiết gồm:                       | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán       | 598.500.189          | 166.492.655          |
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp   | 5.745.254.735        | 6.012.140.753        |
| - Giá vốn của bất động sản cho thuê | 50.851.884           | 50.851.884           |
| <b>Cộng</b>                         | <b>6.394.606.808</b> | <b>6.229.485.292</b> |

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

| Chi tiết gồm:                  | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Lãi tiền gửi ngân hàng       | 478.055.438          | 412.198.958          |
| - Lãi cho vay                  | -                    | 15.851.613           |
| - Thu từ chuyển nhượng vốn góp | -                    | 641.000.000          |
| - Doanh thu tài chính khác     | -                    | 1.957.612.514        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>478.055.438</b>   | <b>3.010.811.472</b> |

**6.4 Chi phí tài chính**

| Chi tiết gồm:   | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|----------------------|----------------------|
| - Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhà hàng Bến Thành với Tổng Công ty Bến Thành | 1.288.223.311        | 1.140.000.000        |
| - Dự phòng đầu tư tài chính   | 61.105.256           | 153.628.125          |
| - Chi phí tài chính khác  | -                    | 40.000.000           |
| <b>Cộng</b>   | <b>1.349.328.567</b> | <b>1.333.628.125</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6.5 Chi phí bán hàng**

| Chi tiết gồm:                       | 6 tháng đầu<br>năm 2016 | 6 tháng đầu<br>năm 2015 |
|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Chi phí nhân viên bán hàng        | 673.763.000             | 1.071.252.922           |
| - Chi phí vật liệu, công cụ quản lý | 23.320.000              | 5.449.000               |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định  | 17.061.536              | 42.924.206              |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài         | 206.759.561             | 467.719.561             |
| - Các chi phí bằng tiền khác        | 237.613.818             | 195.064.637             |
| <b>Cộng</b>                         | <b>1.158.517.915</b>    | <b>1.782.410.326</b>    |

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| Chi tiết gồm:                       | 6 tháng đầu<br>năm 2016 | 6 tháng đầu<br>năm 2015 |
|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Chi phí nhân viên quản lý         | 2.357.388.903           | 2.943.667.593           |
| - Chi phí vật liệu, công cụ quản lý | 125.561.890             | 165.503.183             |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định  | 63.483.284              | 110.245.302             |
| - Thuế, phí và lệ phí               | 517.145.621             | 700.878.818             |
| - Chi phí dự phòng                  | -                       | 411.875.000             |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài         | 562.702.383             | 516.020.829             |
| - Các chi phí bằng tiền khác        | 703.963.731             | 835.487.050             |
| <b>Cộng</b>                         | <b>4.330.245.812</b>    | <b>5.683.677.775</b>    |

**6.7 Thu nhập khác**

| Chi tiết gồm:                     | 6 tháng đầu<br>năm 2016 | 6 tháng đầu<br>năm 2015 |
|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Xử lý công nợ                   | 50.000.000              | -                       |
| - Thu từ thanh lý tài sản cố định | -                       | 131.818.182             |
| - Thu khác                        | 4.093                   | 3.517                   |
| <b>Cộng</b>                       | <b>50.004.093</b>       | <b>131.821.699</b>      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

| Chi tiết gồm:  | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--|----------------------|----------------------|
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế        | -                    | -                    |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại       | 726.328.384          | 334.884.276          |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ        | (428.822.759)        | (427.696.478)        |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng | -                    | -                    |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả     | -                    | -                    |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:</b>   | <b>297.505.625</b>   | <b>(92.812.202)</b>  |

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|----------------------|----------------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp  | 705.080.973          | 1.390.396.510        |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:            | -                    | -                    |
| + Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu                     | -                    | -                    |
| + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi  | -                    | -                    |
| + Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi                     | -                    | -                    |
| + Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi | -                    | -                    |
| + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi   | (331.249.722)        | (719.221.542)        |
| - Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 373.831.251          | 671.174.968          |
| - Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)   | 3.150.747            | 3.150.747            |
| <b>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)</b>  | <b>119</b>           | <b>213</b>           |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

|   | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2016</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm  | 3.150.747                       | 3.150.747                       |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại  |                                 |                                 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ thặng dư vốn cổ phần              |                                 |                                 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển             |                                 |                                 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |                                 |                                 |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>                      | <b>3.150.747</b>                | <b>3.150.747</b>                |
| <b>6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>                            |                                 |                                 |
| Chi tiết gồm:   | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2016</b> | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2015</b> |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu   | 134.579.297                     | 293.335.899                     |
| - Chi phí nhân công   | 4.209.356.511                   | 5.577.733.388                   |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định  | 199.916.560                     | 196.226.547                     |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 2.411.987.780                   | 3.695.482.539                   |
| - Các chi phí bằng tiền khác  | 1.022.518.639                   | 1.152.480.189                   |
| <b>Cộng</b>   | <b>7.978.358.787</b>            | <b>10.915.258.562</b>           |

**7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****7.1a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

| Chi tiết gồm:          | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| - Tiền lương           | 484.120.000          | 409.900.000          |
| - Thù lao, thưởng khác | 96.000.000           | 84.000.000           |
| <b>Cộng</b>            | <b>580.120.000</b>   | <b>493.900.000</b>   |

**7.1b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công Bến Thành TNHH MTV là cổ đông lớn có tỷ lệ vốn góp là 47,11%.

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số 5.2. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

|   | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng Công Bến Thành TNHH MTV                |                      |                      |
| - Chia lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh      | 1.288.223.311        | -                    |
| - Tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh     | -                    | 1.140.000.000        |
| - Trả tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh | -                    | 1.140.000.000        |
| - Doanh thu cho thuê mặt bằng kho           | -                    | 613.796.806          |
| - Thu tiền cho thuê mặt bằng trong kỳ       | -                    | 675.176.487          |

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ
- Kinh doanh cho thuê bất động sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

|   | Kinh doanh hàng hoá | Kinh doanh dịch vụ   | Kinh doanh cho thuê bất động sản | Cộng                 |
|---|---------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------|
| <b>6 tháng đầu năm 2016</b>                     |                     |                      |                                  |                      |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 709.149.258         | 11.864.240.877       | 1.133.836.362                    | 13.707.226.497       |
| Giá vốn hàng bán                                | 598.500.189         | 5.745.254.735        | 50.851.884                       | 6.394.606.808        |
| <b>Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>110.649.069</b>  | <b>6.118.986.142</b> | <b>1.082.984.478</b>             | <b>7.312.619.689</b> |
| <b>6 tháng đầu năm 2015</b>                     |                     |                      |                                  |                      |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 205.821.559         | 12.405.335.051       | 1.069.818.180                    | 13.680.974.790       |
| Giá vốn hàng bán                                | 166.492.655         | 6.012.140.753        | 50.851.884                       | 6.229.485.292        |
| <b>Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>39.328.904</b>   | <b>6.393.194.298</b> | <b>1.018.966.296</b>             | <b>7.451.489.498</b> |

**Khu vực địa lý**

Tất các sản phẩm và dịch vụ của Công ty được tiêu thụ và cung cấp tại Việt Nam.

**7.3 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo soát xét này.

**7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**7.5 Số liệu so sánh****Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

| Chỉ tiêu                           | Mã số | Số cuối kỳ trên báo cáo 6 tháng đầu năm 2015 | Số kỳ trước trình bày lại trên báo cáo 6 tháng đầu năm 2016 | Chênh lệch |
|------------------------------------|-------|--|---|------------|
|                                    |       | [1]  | [2]   |            |
| <b>Bảng kết quả kinh doanh</b>     |       |  |   |            |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp) | 70    | 441  | 213   | 228        |

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**8 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

| Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|-------------|--------|----------|
| <b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>      |             |        |          |
| <b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>                 |             |        |          |
| - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản                  | %           | 58,40  | 61,47    |
| - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản                   | %           | 41,60  | 38,53    |
| <b>1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>               |             |        |          |
| - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn                     | %           | 28,28  | 26,11    |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn            | %           | 71,72  | 73,89    |
| <b>2. Khả năng thanh toán</b>                     |             |        |          |
| - Khả năng thanh toán ngắn hạn                    | Lần         | 4,79   | 6,14     |
| - Khả năng thanh toán nhanh                       | Lần         | 4,75   | 6,09     |
| - Khả năng thanh toán tức thời                    | Lần         | 3,56   | 5,33     |
| <b>3. Tỷ suất sinh lời</b>                        |             |        |          |
| - Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần      | %           | 53,35  | 54,47    |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần | %           | 5,14   | 10,16    |
| - Doanh thu thuần trên tổng tài sản               | %           | 26,69  | 25,92    |
| - Tỷ suất sinh lời trên tài sản                   | %           | 1,37   | 2,63     |
| - Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu            | %           | 1,88   | 3,48     |
| <b>4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động</b>       |             |        |          |
| - Vòng quay tài sản                               | Vòng        | 0,27   | 0,26     |
| - Vòng quay các khoản phải thu                    | Vòng        | 2,62   | 3,16     |
| - Vòng quay hàng tồn kho                          | Vòng        | 22,87  | 26,51    |
| - Vòng quay vốn lưu động                          | Vòng        | 0,54   | 0,56     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2016.

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN THỊ THANH VÂN**

**VÕ THÚY HẠNH**

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG**

THÀNH